

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Nhà máy dệt may Lạng Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 387/TTr-TNMT ngày 22/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy dệt may Lạng Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Dệt may Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 379/QĐ-TNMT ngày 05/5/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Nghĩa Hòa; Công ty Cổ phần Dệt may Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Dệt may Lạng Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “NHÀ MÁY DỆT MAY LẠNG GIANG”
(Kèm theo Quyết định số 682 /QĐ-UBND ngày 28 /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy dệt may Lạng Giang.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Dệt may Lạng Giang.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại khu đồng Dừa, thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, với diện tích khoảng 51.188 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ May áo jacket và quần xuất khẩu: 4.800.000 sản phẩm quần và áo jacket/năm.

+ Sản xuất sợi: 10.800 cọc sợi, với tổng sản lượng khoảng 2.277 tấn/năm (trong đó: Sợi Ne 30/1 TCM 65/35: 1.734 tấn/năm; Sợi Ne 30/1 COCM: 493 tấn/năm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, gồm: Nhà xưởng 3 tầng, nhà để xe, khu phụ trợ nhà bảo vệ, nhà chuyên gia, trạm bơm, đường giao thông, hồ nước, cây xanh, hệ thống thu gom nước mặt, hệ thống thu gom nước thải, kho chứa chất thải, kho hóa chất, hồ nước,....

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Nhà máy dệt may Lạng Giang” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 52.000 m², trong đó diện tích đất lúa cần chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 41.000 m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy dệt may Lạng Giang” thì tổng diện tích sử dụng đất khoảng 51.188 m², trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên khoảng 36.088,6 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng 51.188 m² đất, trong đó: diện tích đất trồng lúa 36.088,6 m²; diện tích đất khác 15.099,4 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng (phát quang thực vật).

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng

+ Bụi phát sinh từ hoạt động động đào đắp, san gạt mặt bằng; từ quá trình bóc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa (tuyến đường nội bộ).

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san nền; từ hoạt động vận chuyển đất đá, chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường,...

+ Bụi, khí thải từ quá trình hàn.

+ Khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.

+ Bụi, khí thải hơi sơn từ quá trình sơn tường nhà.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công (từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu, từ hoạt động rửa xe) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên và phương tiện giao thông vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm.

- Bụi phát sinh từ công đoạn cắt may và sản xuất sợi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Mùi hôi phát sinh từ các điểm tập kết chất thải rắn, trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án (gồm: dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chai, lọ bình chứa thành phần nguy hại)..

- Sự cố chập cháy hệ thống điện, tai nạn giao thông, hư hỏng các công trình xử lý chất thải; sự cố kỹ thuật, dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 4 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước thải thi công (bao gồm nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị,...) phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ nhiên liệu từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị,....

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Bụi, khí thải:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền đường; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng các hạng mục của dự án; từ quá trình hàn; từ quá trình vệ sinh mặt đường trước khi trải thảm nhựa và tưới nhựa đường của tuyến đường nội bộ; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, khói hàn, CO, SO₂, NO_x,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động trải thảm bê tông nhựa và tưới nhựa đường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ độc hại,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

** Chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 25 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân huỷ, bao gói nilon, vỏ chai nhựa, đồ hộp...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 12,775 tấn, với thành phần chủ yếu là sinh khối (như: cành, lá và thân cây, rễ...).

- Đất, đá đào móng thi công các hạng mục công trình phát sinh khoảng 3.235 m³, tương đương khoảng 3.882 tấn. Ngoài ra, còn có lượng đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đất đắp từ mỏ đất đến dự án.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án khoảng 286 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là vữa xi măng, gạch vỡ, sỏi, đá, cát, mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng,...

** Chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (như: dầu thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bao bì cứng bằng kim loại thải, đất cát dính dầu mỡ,...) khoảng 30 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực, vùng sản xuất nông nghiệp xung quanh; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến dòng chảy bề mặt, tiêu thoát nước gây ngập úng khu vực dự án...

- Tác động do sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai, sụt lún, sạt lở đất do mưa lớn; sự cố ngập úng; sự cố cháy nổ; sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

3.2.1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án phát sinh khoảng 62,5 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy trên bề mặt dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn (như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...)) vào đường thoát nước của dự án, làm ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

3.2.1.2. Bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân và phương tiện giao thông vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm ra vào dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...

- Khí thải từ hệ thống máy phát điện dự phòng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, SO₃, CO, VOC,...

- Khí thải, mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải, từ trạm xử lý nước thải tập trung của dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S, mercaptane, CO₂, CH₄...

- Bụi phát sinh từ quá trình cắt may, từ hoạt động sản xuất sợi trong quá trình sản xuất, với thông số ô nhiễm chủ yếu là bụi.

- Bụi, khí thải hơi sơn từ quá trình sơn tường nhà, với thông số ô nhiễm chủ yếu là VOC và các hợp chất hữu cơ,...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án khoảng 1.250 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, với tổng khối lượng khoảng 9.300 kg/năm, trong đó:

+ Sản phẩm lỗi hỏng, các phụ kiện may mặc hỏng, kim may hỏng,..từ quá trình cắt may sản phẩm phát sinh khoảng 3.000 kg/năm.

+ Vụn vải, đầu mẫu vải, vụn chỉ thừa,..từ quá trình cắt may sản phẩm phát sinh khoảng 300 kg/năm.

+ Bông vụn từ quá trình sản xuất sợi phát sinh khoảng 4.500 kg/năm.

+ Các chất thải như bao bì nilong, carton,.. phát sinh khoảng 1.500 kg/năm.

- Bùn phát sinh từ bể tự hoại và bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung của dự án, với tổng khối lượng khoảng 200 kg/năm.

3.2.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất của dự án (như: dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại,..) phát sinh khoảng 221 kg/năm.

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm; từ các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất (tại xưởng may, xưởng sợi,...) và từ hoạt động máy phát điện dự phòng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.5. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; rủi ro về thiên tai; sự cố mất an toàn khi sử dụng máy nén khí, nồi hơi, sự cố hư hỏng các công trình bảo vệ môi trường,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Bố trí xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn, với dung tích 4 m³ (bể tự hoại được xây bằng gạch đặc, nắp đáy bê tông cốt thép, đặt ngầm) để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường. Định kỳ 01 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại và 03 tháng/lần kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải.

* Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

- Bố trí bãi chứa nguyên liệu để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu, đồng thời sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra môi trường.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy, móc thiết bị, dưỡng hồ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu: Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước thải này được tận dụng cho công tác phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi, không xả thải ra môi trường.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Thiết kế rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án là rãnh đất (kích thước: chiều rộng 1m, chiều sâu 1m) và trên rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn (kích thước: 2mx2mx1,5m), khoảng cách trung bình 50 m/hố ga, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền hướng về các trục đường giao thông.

- Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Không vận chuyển vào các giờ cao để giảm thiểu mật độ giao thông.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2 m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh dự án.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày trời khô hanh, nắng nóng.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ.

- Đối với bụi phát sinh từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công: Hoàn thành dứt điểm theo hình thức thi công cuốn chiếu, thi công đến đâu dọn sạch đến đó. Thực hiện phun nước tưới ẩm trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh. Trang bị bảo hộ cho công nhân lao động trực tiếp.

- Đối với việc sơn tường nhà thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật đảm bảo tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh do nước sơn bị rơi, bắn ra ngoài. Chú ý biện pháp sơn đối với các hạng mục công trình khi thi công trên cao, sơn rơi vãi ra xung quanh, có thể xảy ra hiện tượng đổ vào các đối tượng bên dưới; thực hiện giải pháp vây lưới bao quanh khối nhà, bắc giàn giáo, bố trí các thiết bị hứng nước sơn,...

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại lán trại của công nhân để thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất khoảng 02 ngày/lần).

* Đối với chất thải phát quang thảm thực vật:

- Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

- Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phát quang, thu dọn tại khu vực dự án.

* Đối với đất, đá rơi vãi:

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công san lấp yêu cầu chủ xe, người lái xe ô tô chở đất, đá không vượt quá trọng tải xe theo quy định.

- Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất, đá thải rơi vãi trên đường. Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất, đá rơi vãi trên đường vận chuyển và đất, đá rơi vãi được thu gom, vận chuyển về làm nguyên liệu san lấp mặt bằng ngay tại dự án.

- Nâng cao ý thức của công nhân trong việc vận chuyển, đổ đất đá đúng nơi quy định.

* Chất thải xây dựng:

- Các chất thải rắn (như: sắt, thép, bao bì, gỗ...) được thu gom, tái sử dụng cho mục đích khác hoặc bán cho các đơn vị thu mua;

- Các chất thải rắn vô cơ (như: đá, cát, sỏi, xi măng chết,...) được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp các vùng trũng trong phạm vi dự án.

- Các loại chất thải còn lại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

* Đất, đá đào móng thi công các hạng mục công trình (khoảng 3.235 m³) được tận dụng đổ vào khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp tận dụng đất, đá đào móng này làm vật liệu san nền cho dự án hoặc công trình, xây dựng khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công trên thực địa.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng phi có nắp đậy, dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh từ dự án. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 10m² trong khu vực công trường (kho chứa nền xi măng, mái lợp tôn phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Chủ dự án thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

4.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân thi công xây dựng tại dự án.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình xây dựng đến hoạt động của khu vực xung quanh, không được vận hành vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 06 giờ đến 12 giờ và từ 13 giờ đến 18 giờ.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình. Thường xuyên nhắc nhở, giáo dục công nhân tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng các thiết bị, phương tiện đúng quy định.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.
- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ...
- Đảm bảo các xe tải vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thi công luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bột, bình CO₂, cát, hồ nước,...).
- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương phân luồng giao thông kịp thời trên các phương tiện trên các thông tin công cộng của địa phương để tránh ùn tắc giao thông.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân, phối hợp tốt với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực.
- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước tạm, kịp thời khơi thông, nạo vét khi xả ra sự cố ngập úng.
- Trước khi san lấp mặt bằng dự án, phải tiến hành công tác khảo sát, rà phá bom mìn theo quy định của Nhà nước.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Bố trí xây dựng 04 nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án (bao gồm: 01 bể tự hoại, dung tích 13,46 m³ tại nhà vệ sinh từ khu nhà hành chính dịch vụ; 01 bể tự hoại, dung tích 7,1 m³ tại nhà vệ sinh từ khu nhà bảo vệ số 1; 01 bể tự hoại, dung tích 7,1 m³ tại nhà vệ sinh từ nhà bảo vệ số 2; 02 bể tự hoại tại nhà vệ sinh từ khu nhà xưởng xây dựng, trong đó: 01 bể tự hoại, dung tích 107 m³ và 01 bể tự hoại, dung tích 42,16 m³). Các bể tự hoại được xây bằng gạch đặc, nắp đậy bê tông cốt thép, đặt ngầm. Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu gom và đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 70 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước thải của dự án:

+ Trong giai đoạn chưa có Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → hệ thống thu gom nước thải của dự án → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực → Kênh tiêu (ngòi) Đức Mai.

+ Trong giai đoạn Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp (CCN) Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang đi vào hoạt động:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → hệ thống thu gom nước thải của dự án → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm → hệ thống thu gom nước thải CCN Nghĩa Hòa → Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Nghĩa Hòa → Mương thoát nước khu vực → Kênh tiêu (ngòi) Đức Mai.

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là mương thoát nước khu vực do UBND xã Nghĩa Hòa quản lý (*đã chấp thuận tại Văn bản số 81/CV-UBND ngày 22/6/2023*)

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa là cống bê tông D400, D600, D800 được bố trí dọc các tuyến thoát nước có bố trí các hố ga thu nước mưa xây bằng gạch, trát vữa xi măng, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép dày 10mm. Hố ga có kích thước: 800x800, 1.000x1.000, 1.200x1.200mm, sau đó thoát ra mương bởi 01 điểm đầu nổi.

- Dọc theo hệ thống cống thoát nước mưa bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Rác thải và các chất lơ lửng sẽ được tách và giữ lại trong hố ga. Các hố ga được định kỳ nạo vét rác và cặn lắng gom về xử lý cùng rác thải sinh hoạt và đưa đi xử lý theo quy định (*tần suất nạo vét 03 tháng/lần*).

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

* Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, may trong quy trình sản xuất may mặc:

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống điều hòa công nghiệp làm mát nhà xưởng, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

- Hàng ngày vệ sinh nhà xưởng sản xuất sạch sẽ, sử dụng máy hút bụi công nghiệp công suất lớn để hút sạch bụi trong khu vực nhà xưởng để tránh tồn đọng bụi trong xưởng.

- Định kỳ (06 tháng/lần) vệ sinh bộ lọc của hệ thống điều hòa tránh tồn đọng bụi vải lâu ngày, loại bỏ bụi dính bám.

- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp, tránh ứ đọng nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân làm việc tại dự án (như: quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang, mũ,...). Yêu cầu công nhân nghiêm túc thực hiện tốt các biện pháp bảo hộ lao động của dự án để đảm bảo an toàn sức khỏe.

* Bụi phát sinh từ quy trình sản xuất sợi:

- Thực hiện trong buồng kín, máy móc hoạt động tự động, công nhân điều khiển bên ngoài. Bên trong buồng dệt sợi có bố trí hệ thống cấp khí vào và thoát khí ra. Trước cửa thoát khí ra được lắp đặt bộ lọc bụi, được thiết kế bằng các tấm lọc, bụi phát sinh được thu gom giữ lại bởi bộ lọc bụi với thông số của bộ lọc bụi như sau:

+ Quạt hút có công suất: 10HP; 7,5KW.

+ Lưu lượng gió: 6.480-10.368 m³/giờ.

+ Bộ lọc bụi có kích thước dài x rộng x cao = 1,0m x 1,0m x 1,0m; bên trong có bố trí lớp vải lọc Pylyester chống tĩnh điện.

- Định kỳ hàng ngày kiểm tra, vệ sinh bộ lọc bụi để loại bỏ bụi bông dính bám và đảm bảo quạt hút được hoạt động tốt.

- Trang bị quần áo bảo hộ lao động cho những lao động làm việc tại khu vực sản xuất sợi (như: mũ, khẩu trang, kính mắt).

- Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác:

+ Xây dựng chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng ùn tắc giao thông tại tuyến đường ra vào dự án.

+ Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

+ Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh bụi và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

+ Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án (cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án; tỷ lệ đất cây xanh khoảng 15,11%).

+ Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

+ Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe phải hợp lý; phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý; các xe máy khi vào bãi để xe phải tắt máy.

* Mùi hôi từ khu tập kết rác thải:

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường xá, cống rãnh,... để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy và được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển hàng ngày đem đi xử lý theo quy định.

* Mùi phát sinh từ nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh tập trung của dự án thường xuyên được dọn rửa và khử mùi, nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí.

* Mùi hôi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung của dự án: Phải đảm bảo các bể hoạt động liên tục ổn định, tránh để vi sinh vật bị chết gây mùi. Thiết kế hệ thống thu gom kín dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án. Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục tại bể hiếu khí đảm bảo rằng không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra. Bùn dư được lưu chứa tại bể chứa bùn của trạm xử lý, đồng thời Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển mang đi xử lý khi bể chứa đầy (tần suất 01 năm/lần), không để bùn tồn đọng lâu ngày.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng đựng rác ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,... Sau đó cuối ngày có đơn vị vệ sinh của dự án đến thu gom về kho chất thải sinh hoạt có diện tích 30 m² để lưu giữ tạm thời (kho chứa được thiết kế xây tường gạch, mái lợp tôn, có cửa khóa); đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

+ Chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế (như: bao bì, giấy vụn,...) được thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Chất thải không có khả năng tái chế (như: nilon, mảnh vỡ thủy tinh,...) được thu gom vào thùng chứa rác để đưa đi xử lý theo quy định.

* Đối với thức ăn thừa: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị dịch vụ cung ứng thức ăn sau khi công nhân ăn uống xong đơn vị cung ứng sẽ đến thu dọn thức ăn thừa, đồ hộp đựng thức ăn,..mang về. Trong thời gian đơn vị cung ứng thức ăn chưa tới đến lấy đồ hộp đựng thức ăn, đồ ăn thừa về thì thức ăn thừa này sẽ được thu gom, lưu vào thùng chứa có nắp đậy, đặt cạnh khu vực nhà ăn.

* Đối với bùn thải phát sinh từ bể tự hoại và trạm xử lý nước thải tập trung: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

* Chất thải rắn sản xuất:

- Trang bị và bố trí các thùng rác có nắp đậy kín, đặt trong nhà xưởng ở các vị trí phát sinh ra chất thải, các thùng đựng được ghi nhãn, tên từng loại chất thải để đảm bảo khi phát sinh trong quá trình sản xuất công nhân có thể phân loại ngay tại nguồn thải.

- Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được thu gom, phân loại và lưu kho chứa trong kho chứa chất thải sản xuất có diện tích 130 m² (dài x rộng = 13mx10m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thực hiện thu gom, quản lý và xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn và phế liệu, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom mang đi xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần).

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại đảm bảo được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được lưu giữ riêng theo quy định.

- Bố trí 05 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại. Đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m². Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch; mái lợp tôn, có cửa khóa, nền bê tông; trong kho có bố trí bình chữa cháy, thùng chứa cát để phòng ngừa ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố; hệ thống cấp điện, phòng cháy, chữa cháy hoàn thiện, đồng bộ; treo biển cảnh báo nguy hại.

4.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Công nhân làm việc tại dự án được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn (như: mũ bảo hiểm, chụp tai...).

- Ban hành nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị hoạt động cùng lúc, đồng thời bố trí cự ly khoảng cách giữa các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Lắp ống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây ồn mạnh, thay thế bộ phận giảm thanh khi bị hỏng.

- Vận hành máy móc, thiết bị theo đúng kỹ thuật, hoạt động đúng công suất của động cơ.

- Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

4.2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Các thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất được kiểm tra định kỳ. Đào tạo an toàn lao động cho công nhân, phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,...) và có những quy định về sử dụng khi công

nhân làm việc; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công nhân sử dụng bảo hộ lao động.

- Tất cả các xe vận chuyển tuân thủ đúng quy định về tải trọng, tốc độ và có bạt che phủ. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động tốt.

- Định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy do cơ quan chức năng ban hành. Trang bị đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Thành lập đội phòng cháy chữa cháy được lựa chọn từ các công nhân sản xuất, lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành (như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị) để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa, hố ga dọc tuyến để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- Thực hiện các biện pháp an toàn khi sử dụng, vận hành máy nén khí theo chỉ dẫn của nhà sản xuất. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm định kỹ thuật an toàn cho máy nén khí theo quy định.

- Bố trí hồ điều hòa tại khu vực tách riêng với khu vực đi lại thường xuyên của cán bộ, công nhân. Lắp đặt các biển cảnh báo tại các khu vực quanh hồ để đảm bảo an toàn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Không khí làm việc:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

- + 01 vị trí tại khu vực đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- + 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách khu vực thi công khoảng 50 m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

** Nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại cống thoát nước thải, sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, Tổng dầu mỡ khoáng, tổng photpho, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

** Không khí làm việc:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

- + 01 vị trí tại xưởng may;

- + 01 vị trí tại xưởng sản xuất sợi.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

** Nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: Tại hố ga lấy mẫu nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CCN Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, Tổng dầu mỡ khoáng, tổng photpho, Coliform.

- Tần suất thực hiện: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Trường hợp khi dự án đi vào hoạt động mà Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang chưa xây dựng xong, Chủ dự án cam kết thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 387/TTr-TNMT ngày 22/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.